

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Võ Thị Lệ**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Thúy**

*Thư ký phiên tòa:* Bà Cà Thị Lan – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:*  
Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Trương Minh D, sinh năm xxxx (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Trần Quang V, sinh năm 1984,  
Là Luật sư Văn phòng luật sư Phan Thị U – Chi nhánh G. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A T, khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

\* Bị đơn: Nguyễn Ngọc T, sinh năm: xxxx (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Do anh D có đơn xin vắng mặt nên Luật sư V thay mặt anh D trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Anh D1 và chị T do quen biết, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh chị sống chung cha mẹ anh được khoảng 02 tháng thì cất nhà ở riêng cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh đi biển khoảng vài tháng mới vô bờ được 10 ngày rồi lại đi tiếp, vợ ở nhà làm nội trợ mà gây ra nợ

nân, anh D1 đã nhiều lần trả nợ cho vợ, anh đã khuyên vợ nhiều lần nhưng vợ anh không thay đổi, vẫn tiếp tục gây nợ, ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì khác. Anh còn thương vợ nhưng anh khuyên hoài vợ anh không thay đổi nên anh D1 quyết định ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Thanh T1, sinh ngày xx/x/xxxx và Trương Minh T2, sinh ngày xx/x/xxxx. Ly hôn, anh D1 đồng ý vợ được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh D1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 10.000.000 đồng (5.000.000 đồng/con/tháng).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

\* Bị đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày: Chị T thống nhất với lời trình bày của anh D1 về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Chị T còn thương chồng, chị không muốn ly hôn, nhưng do anh D1 cương quyết nên chị đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý kí tên. Về con chung như anh D1 trình bày, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung không có.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư Trần Quang V trình bày: Do anh D1 và chị T không có tiếng nói chung trong hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa tuy anh D1 xin vắng mặt nhưng chị T đã đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D1 với chị T, giao 02 con chung tên Trương Thị Thanh T1, sinh ngày xx/x/xxxx và Trương Minh T2, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh D1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 10.000.000 đồng (5.000.000 đồng/con/tháng)

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Minh D, cho anh D được ly hôn với chị T. Về con chung: Ghi nhận việc anh D đồng ý giao 02 con chung tên Trương Thị Thanh T1, sinh ngày x/xx/xxxx và Trương Minh T2, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 10.000.000 đồng (5.000.000 đồng/con/tháng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Trương Minh D yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989, ngụ tại ấp X, xã K, huyện G nên đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Anh Trương Minh D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[3]] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Minh D và chị Nguyễn Ngọc T có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh D, căn cứ vào lời khai của anh chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, do anh D và chị T không có tiếng nói chung trong cuộc sống, chị T nhiều lần gây nợ mặc dù anh D đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị T vẫn không thay đổi, anh D không thể tiếp tục cuộc sống chung với chị T nên anh D yêu cầu ly hôn với chị T. Trong quá trình tố tụng chị T trình bày chị vẫn còn thương chồng, chị không đồng ý ly hôn nhưng chồng chị cương quyết yêu cầu ly hôn nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chồng nhưng chị không đồng ý kí tên. Tại phiên tòa, anh D xin vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D nhưng chị không đồng ý kí tên. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa chị T đồng ý ly hôn nhưng do anh D xin vắng mặt tại phiên tòa nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D với chị T là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Trương Thị Thanh T1, sinh ngày xx/x/xxxx và Trương Minh T2, sinh ngày xx/x/xxxx, hiện đang sống chung với anh chị. Ly hôn, chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và anh D đồng ý giao 02 con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 10.000.000 đồng (5.000.000 đồng/con/tháng) là không trái quy định pháp luật nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí: Anh Trương Minh D có yêu cầu ly hôn nên anh D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm phần cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên và Luật sư là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Minh D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Minh D và chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trương Thị Thanh T1, sinh ngày xx/xx/xxxx và Trương Minh T2, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị Nguyễn Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Trương Minh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 10.000.000 đồng (5.000.000 đồng/con/tháng).

Anh Trương Minh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Trương Minh D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Phần cấp dưỡng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028507 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh Trương Minh D phải nộp thêm 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và anh D được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã Kiểng Phước, H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**Nguyễn Thị Diễm Trinh**